

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Cao Trung và bà Lê Thị Huyền Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: ĐẶNG THANH L. Tên gọi khác:

Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; Số Thẻ CCCD: 051097001636; Cấp ngày: 23 tháng 02 năm 2023. Nơi cấp: Cục C về TTXH.

Tiền án: Không. Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản: Ngày 13/7/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền, số tiền: 2.500.00 đồng. Ngày 27/7/2023, Đặng Thanh L đã nộp phạt số tiền 2.500.000 đồng.

Con ông: Đặng B; con bà: Huỳnh Thị C. Vợ, con: chưa có. Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Bị cáo Đặng Thanh L bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị T; sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T tỉnh Quảng Ngãi.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 4 năm 2024 Đặng Thanh L từ nhà mình đi bộ đến nhà ông Lê Hoàng T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Lai quan sát nhà ông T không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp gà bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lai đến khu vực chuồng bò nhà ông T thấy có 02 con gà mái đang nhốt trong hai lồng sắt. Lai lén lút bắt hai con gà mang về nhà mình rồi bỏ vào bên trong một cái bao, sau đó mượn xe mô tô hiệu Dream của một người đàn ông không biết họ tên, lai lịch đang làm nghề bỏ củi thuê gần nhà L, L nói mượn xe để đi ăn sáng. Khi mượn được xe, L mang hai con gà vừa trộm được đến gặp bà Đinh Thị T, sinh năm 1982; trú tại: thôn A, xã N, huyện T bán được số tiền là 330.000 đồng, bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, định giá đối với 02 con gà mái có tổng giá là 410.400 đồng.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, vật chứng: Công an xã N đã lập biên bản tạm giữ 02 con gà do bà Đinh Thị T mua của bị cáo L gồm; 01 con gà mái có đặc điểm lông màu trắng bông, khối lượng 1.58kg và 01 con gà mái đặc điểm lông màu xám, khối lượng 1.84kg và đã trả lại cho ông Lê Hoàng T, ông T đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu khiếu nại gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Các tình tiết liên quan khác: Bà Đinh Thị T là người đã mua 02 con gà mái do Đặng Thanh L bán, khi mua bà T không biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không đề cập xử lý đối với bà T là có căn cứ. Bà T không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 330.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT -VKSTN ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa truy tố bị cáo Đặng Thanh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo [Đặng Thanh L](#) từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông [Lê Hoàng T](#) đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì về vấn đề bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

Các tình tiết liên quan khác: Đối với bà [Đinh Thi T](#) là người mua 2 con gà mái của [Đặng Thanh L](#) bán, bà [T](#) không biết đây là tài sản do [L](#) trộm cắp mà có, đồng thời bà [T](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan; bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện T](#), tỉnh Quảng Ngãi và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp được sử dụng làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Về nguyên nhân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo [Đặng Thanh L](#) là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ sức khỏe nhưng lười lao động. Vì để có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 04/4/2024 bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 02 con gà của ông [Lê Hoàng T](#) có tổng giá trị là 410.000 đồng. Tài sản bị cáo trộm cắp là dưới 2.000.000 đồng, nhưng vào ngày 13/7/2023 bị cáo bị Chủ tịch [Ủy ban nhân dân xã N](#), [huyện T](#) ra Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.500.00 đồng, nên thuộc trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt mà còn vi phạm. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Tình tiết tăng nặng: Không.

[2.3] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo [Đặng Thanh L](#) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét mức hình phạt đối với bị cáo.

[3] Trên cơ sở đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã nêu trên. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, bị cáo đã bị Chủ tịch [UBND xã N](#) xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp nhưng tiếp tục phạm tội, nên cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Về phân trách nhiệm dân sự: Bị hại ông [Lê Hoàng T](#) đã nhận lại tài sản và không yêu cầu khiếu nại gì; bà [Đinh Thị T](#) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

[5] Các tình tiết khác đối với vụ án: Đối với bà [Đinh Thị T](#) là người mua 2 con gà mái của [Đặng Thanh L](#) bán, khi mua bà [T1](#) không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Xử lý vật chứng: [Công an xã N](#) đã trả lại cho ông [Lê Hoàng T](#) 01 con gà mái có đặc điểm lông màu trắng bông, khối lượng 1.58kg và 01 con gà mái đặc điểm lông màu xám, khối lượng 1.84kg, ông [T](#) đã nhận và không yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa về tội danh, mức hình phạt, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo [Đặng Thanh L](#) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo [Đặng Thanh L](#) 09 (chín) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04/4/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ông [Lê Hoàng T](#) và bà [Đinh Thị T](#) không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo [Đặng Thanh L](#) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo [Đặng Thanh L](#) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- CQCSĐT huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Phòng NVLT Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi Cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung Lê Thi Huyền Trâm Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

[Nguyễn Tấn Bốn Tạ Thi Anh Pha](#)

Nguyễn Văn Hậu

